

Tên gọi: Luật dịch vụ việc làm

Ngày sửa đổi: Ngày 03 tháng 11 năm 2016

Loại pháp quy: Hành chính > Bộ Lao động > Hạng mục dịch vụ việc làm

Chương I: Quy định chung

Điều 1:

Để thúc đẩy việc làm cho người dân, để gia tăng phát triển xã hội và kinh tế, đặc biệt thiết lập Bộ luật này: Trường hợp Luật này chưa có quy định, thì áp dụng quy định của Luật khác.

Điều 2:

Từ ngữ trong Luật này được định nghĩa như sau:

I. Dịch vụ việc làm: Là dịch vụ hỗ trợ người dân tìm việc làm và Chủ thuê tìm nhân viên.

II. Cơ quan dịch vụ việc làm: Là Cơ quan cung cấp dịch vụ tìm việc; trường hợp do Cơ quan Chính phủ thiết lập, là Cơ quan dịch vụ việc làm công lập; trường hợp do tư nhân ngoài Chính phủ hoặc Đoàn thể thiết lập, là Cơ quan dịch vụ việc làm tư lập.

III. Chủ thuê: Là người thuê, tuyển dụng nhân viên làm việc.

IV. Trường hợp độ tuổi trung cao niên: Là người dân đủ 45 tuổi đến 65 tuổi.

V. Người thất nghiệp lâu dài: Là người thất nghiệp liên tục trong thời gian 1 năm trở lên, và có đăng ký thôi Bảo hiểm Lao động trong vòng 3 năm trước ngày thôi Bảo hiểm, tổng số năm Bảo hiểm đủ 6 tháng trở lên, và có đăng ký tìm việc làm với Cơ quan dịch vụ tìm việc làm công lập trong vòng 1 tháng gần đây.

Điều 3:

Người dân có quyền tự do lựa chọn việc làm. Nhưng trường hợp bị pháp luật nghiêm cấm, thì không thuộc phạm vi này.

Điều 4:

Người dân có năng lực làm việc, toàn bộ được bình đẳng tiếp nhận dịch vụ tìm việc làm.

Điều 5:

Để đảm bảo cơ hội bình đẳng tìm việc làm cho người dân, Chủ thuê đối với người tìm việc làm và nhân viên tuyển dụng, không được kỳ thị đối với chủng tộc, giai cấp, ngôn ngữ, tư tưởng, tôn giáo, đảng phái, quê quán, nơi sinh, hướng giới tính, độ tuổi,

hôn nhân, diện mạo, mặt mũi, tàn tật hoặc hội viên Công hội trước đây làm lý; trường hợp pháp luật có quy định khác, căn cứ theo quy định đó.

Chủ thuê chiêu mộ hoặc tuyển dụng nhân viên, không được có những hạng mục liệt kê sau:

- I. Quảng cáo hoặc giải thích sai sự thật.
- II. Đi ngược với mong muốn của người tìm việc làm hoặc nhân viên, giữ CMT, chứng minh việc làm hoặc các giấy tờ chứng nhận khác của người dân hoặc yêu cầu cung cấp thông tin cá nhân không thuộc nhu cầu làm việc.
- III. Giữ vật phẩm hoặc lấy tiền bảo đảm của người tìm việc làm hoặc nhân viên.
- IV. Điều phái người tìm việc làm hoặc nhân viên làm các công việc vi phạm trật tự công cộng hoặc làm trái thuần phong mỹ tục.
- V. Đăng ký giấy phép, tuyển mộ, nhận làm hoặc quản lý người lao động nước ngoài, cung cấp thông tin hoặc kiểm tra sức khỏe sai sự thật.

Điều 6

Cơ quan Chủ quản nêu trong Luật này: Tại Trung ương là Bộ Lao động; tại thành phố trực thuộc là Chính phủ thành phố có thẩm quyền; tại huyện (thành phố) là Chính phủ huyện (thành phố).

Cơ quan Chủ quản Trung ương cùng với Ủy ban Dân tộc tổ chức các dịch vụ tìm việc làm cho người dân tộc thiểu số.

Cơ quan Chủ quản Trung ương thực hiện những việc sau:

- I. Lập định Chính sách, Pháp lệnh, kế hoạch và phương án tìm việc làm cho người dân trên toàn quốc.
- II. Cung cấp thông tin thị trường việc làm trên toàn quốc.
- III. Lập định cơ sở tiêu chuẩn công tác dịch vụ tìm việc làm.
- IV. Lập định hướng dẫn, điều chỉnh công tác dịch vụ tìm việc làm trên toàn quốc.
- V. Chủ thuê đăng ký giấy phép và quản lý tuyển dụng lao động nước ngoài.
- VI. Đăng ký giấy phép, ngừng kinh doanh và hủy giấy phép của Cơ quan dịch vụ tìm việc làm tư lập môi giới dưới đây:
 - (I) Môi giới người lao động nước ngoài đến Đài Loan làm việc.
 - (II) Môi giới người dân Hồng Kông, Macau, Trung Quốc Đại Lục đến Đài Loan làm việc.
 - (III) Môi giới người dân Đài Loan đến các khu vực ngoài khu vực Đài Loan làm việc.
- VII. Các dịch vụ tìm việc làm và thúc đẩy việc làm khác có liên quan trên toàn quốc cho người dân.

Những điều mà Cơ quan Chủ quản trực thuộc huyện (thị), thành phố cần thực hiện như sau:

- I. Nhận định về kỳ thị việc làm.

II. Quản lý và kiểm tra công tác của người nước ngoài trong nước Trung Hoa Dân Quốc.

III. Cấp giấy phép, ngừng hoạt động và hủy giấy phép đối với Cơ quan dịch vụ tìm việc làm tư nhân môi giới người Đài Loan làm việc trong nước.

IV. Quản lý các Cơ quan ngoài Cơ quan dịch vụ tìm việc làm tư lập được nêu tại khoản 6 mục trước và khoản trước.

V. Những việc phối hợp khác liên quan dịch vụ tìm việc làm cho người dân.

Điều 7

Cơ quan Chủ quản có thể mời lao động, Chủ thuê, đại diện Cơ quan Chính phủ và chuyên gia học giả, nghiên cứu thảo luận, tư vấn những hạng mục dịch vụ việc làm và thúc đẩy việc làm có liên quan; trong đó lao động, Chủ thuê và đại diện chuyên gia học giả, không được ít hơn 1/2.

Giới tính đơn nhất đại diện cho mục trước, không được ít hơn 1/3.

Điều 8

Cơ quan Chủ quản muốn thúc tiến kiến thức chuyên nghiệp và hiệu quả công tác của nhân viên công tác dịch vụ việc làm, thì phải tổ chức định kỳ các lớp huấn luyện tại chức.

Điều 9

Cơ quan dịch vụ việc làm và nhân viên của họ, không được công khai ra ngoài các thông tin của Chủ thuê và người tìm việc làm, ngoại trừ trường hợp cần thiết giới thiệu tìm việc làm.

Điều 10

Trong thời gian bãi công theo pháp luật, hoặc chấm dứt hợp đồng lao động có liên quan đến việc hòa giải tranh chấp giữa Chủ thuê và người lao động có liên quan đến quyền lợi của số đông người lao động, thì Cơ quan dịch vụ việc làm không được giới thiệu người tìm việc làm đến những nơi đang xảy ra bãi công hoặc tranh chấp giữa Chủ thuê và người lao động này để làm việc.

Số đông người lao động nêu tại mục trước, nghĩa là việc tranh chấp có 10 người lao động trở lên có liên quan Đơn vị ngành nghề, hoặc số lao động chưa đạt đến con số 10, nhưng đạt 1/3 số lao động tại nơi xảy ra tranh chấp.

Điều 11

Trường hợp việc thúc đẩy việc làm cho người dân của Cơ quan Chủ quản có đạt hiệu quả vượt trội, thì phải được khen thưởng và tuyên dương.

Điều kiện tư cách, hạng mục, phương thức và Biện pháp khác cần tuân thủ đối với việc khen thưởng và tuyên dương được nêu mục trước, sẽ do Cơ quan Chủ quản Trung ương lập định.

Chương II: Dịch vụ việc làm của Chính phủ

Điều 12

Cơ quan Chủ quản có thể thiết lập Cơ sở dịch vụ việc làm công lập tại các địa phương tùy theo nhu cầu nghiệp vụ.

Trường hợp dân số người dân tộc thiểu số trong huyện (thị), thành phố trực thuộc thẩm quyền đạt trên 20 nghìn người, thì có thể thiết lập Cơ sở dịch vụ việc làm công lập dân tộc thiểu số văn hóa đặc thù ứng biến.

Cơ sở dịch vụ việc làm công lập nêu tại hai mục trên, quy tắc thiết lập do Cơ quan Chủ quản Trung ương lập định.

Điều 13

Cơ quan dịch vụ việc làm công lập thực hiện dịch vụ việc làm, theo nguyên tắc miễn phí. Nhưng các chi phí do Chủ thuê ủy quyền chiêu mộ nhân tài, thì được yêu cầu Chủ thuê gánh vác.

Điều 14

Cơ quan dịch vụ việc làm công lập không được từ chối người tìm việc làm và Chủ thuê đăng ký tìm việc, tìm nhân tài. Nhưng những đăng ký này vi pháp Pháp lệnh hoặc từ chối cung cấp các thông tin liên quan giới thiệu việc làm, thì không thuộc phạm vi này.

Điều 15

(Xóa bỏ)

Điều 16

Cơ quan dịch vụ việc làm công lập phải thu thập, sắp xếp, phân tích các thay đổi về tiền lương trong khu vực nghiệp vụ, nhu cầu nhân lực và triển vọng trong tương lai, cung cấp thông tin cho thị trường việc làm.

Điều 17

Cơ quan dịch vụ việc làm công lập phải cung cấp tư vấn việc làm cho người tìm việc làm, sau đó dựa vào kết quả tư vấn việc làm hoặc đánh giá hướng dẫn việc làm, giới thiệu việc làm, huấn luyện việc làm, kiểm định kỹ năng, hướng dẫn tự lập nghiệp, tiến hành chuyển đổi việc làm hoặc nhận định thất nghiệp và đăng ký cũng như cung cấp

phí thất nghiệp.

Hạng mục dịch vụ và nội dung của mục trước, phải được làm thành sổ ghi chép. Tư vấn việc làm, hướng dẫn việc làm và Biện pháp khác có liên quan tại mục 1, được Cơ quan Chủ quản Trung ương lập định.

Điều 18

Cơ quan dịch vụ việc làm và trường học trong khu vực dịch vụ của mình phải liên lạc mật thiết, hỗ trợ trường học tổ chức công tác hướng dẫn việc làm cho học sinh, và phối hợp các công tác giới thiệu học sinh tốt nghiệp tìm việc làm hoặc tham gia huấn luyện việc làm và hướng dẫn sau khi tìm việc làm.

Điều 19

Cơ quan dịch vụ việc làm công lập hướng dẫn người tìm việc làm thiếu kiến thức làm việc, được giới thiệu họ tham gia huấn luyện làm việc; phải hỗ trợ giới thiệu việc làm sau khi kết thúc khóa huấn luyện việc làm.

Điều 20

Cơ quan dịch vụ việc làm công lập phải giới thiệu việc làm hoặc giới thiệu họ tham gia huấn luyện việc làm đối với trường hợp đăng ký nhận Bảo hiểm việc làm do thất nghiệp.

Chương III: Thúc đẩy việc làm

Điều 21

Chính phủ nên điều tra dữ liệu liên quan đến tình hình việc làm và thất nghiệp, xây dựng các biện pháp điều phối cung cấp nhân lực, thúc đẩy vận dụng một cách có hiệu quả về nguồn lực và việc làm quốc dân.

Điều 22

Cơ quan chủ quản trung ương vì thúc đẩy cân bằng nhu cầu nguồn lực giữa các khu vực và phối hợp thực hiện việc chi trả bảo hiểm thất nghiệp việc làm, cần phải xây dựng mạng lưới thông tin việc làm mang tính toàn quốc

Điều 23

中央主管機關於經濟不景氣致大量失業時，得鼓勵雇主協商工會或勞工，循縮減工作時間、調整薪資、辦理教育訓練等方式，以避免裁減員工；並得視實際需要，加強實施職業訓練或採取創造臨時就業機會、辦理創業貸款利息補貼等輔導措施；必要時，應發給相關津貼或補助金，促進其就業。

。

Cơ quan chủ quản trung ương do suy thoái kinh tế dẫn đến thất nghiệp với số lượng lớn phải động viên chủ lao động thảo luận với công đoàn và người lao động, giảm thời gian làm việc, điều chỉnh tiền lương, tiến hành huấn luyện đào tạo... để tránh việc cắt giảm lao động; cần phải nhìn vào tình hình thực tế, tăng cường việc thực hiện huấn luyện đào tạo việc làm hoặc áp dụng việc tạo cơ hội việc làm tạm thời, thực hiện việc trợ cấp cho vay vốn lập nghiệp và biện pháp đào tạo khác; khi cần thiết nên phát trợ cấp hoặc tiền hỗ trợ giúp thúc đẩy họ tìm kiếm việc làm.

Đơn đủ điều kiện tiêu chuẩn xin phụ cấp lãi xuất, phụ cấp và trợ cấp ở mục trước, hạng mục, phương thức, thời gian, nguồn kinh phí xin trợ cấp và hỗ trợ vay lãi trên và những thứ khác cần tuân thủ các thủ tục hành chính do cơ quan chủ quản trung ương qui định.

Điều 24

Đối với người lao động tự nguyện như dưới đây, cần lập kế hoạch, cam kết thúc đẩy việc làm; khi cần thiết sẽ phải phát tiền liên quan đến tiền phụ cấp và tiền hỗ trợ.

1. Người một mình gánh vác trách nhiệm cho gia đình.
2. Người trung niên.
3. Người bị trở ngại về thể chất và tinh thần.
4. Người dân tộc
5. Người có hộ khẩu là thu nhập thấp hoặc hộ khẩu trung bình thấp nhưng có khả năng lao động.
6. Người thất nghiệp dài hạn.
7. Phụ nữ tìm lại việc làm lần 2.
8. Người bị hại bạo lực gia đình.
9. Người được bảo vệ phục hồi.
10. Người mà cơ quan chủ quản trung ương nhận thấy là cần thiết.

Kế hoạch trên cần được kiểm tra thảo luận định kỳ, thực hiện một cách triệt để có hiệu quả.

Mục số 1 về điều kiện xin tiền phụ cấp và hỗ trợ, số tiền, thời gian, nguồn kinh phí và các thủ tục liên quan khác sẽ do cơ quan chủ quản lập.

Điều 25

Cơ cấu dịch vụ việc làm công lập cần chủ động trung cầu cơ hội thích hợp cho người bị trở ngại về thể chất và tinh thần và việc làm cho người trung niên, và cần phải định

kỳ thông báo.

Điều 26

Cơ quan chủ quản sẽ đào tạo cho người một mình gánh vác trách nhiệm gia đình việc làm hoặc mang thai, sinh con hoặc phụ nữ do ly hôn tìm việc làm để nuôi dạy con, cần căn cứ theo nhu cầu thực tế, thực hiện đào tạo việc làm.

Điều 27

Cơ quan chủ quản vì hỗ trợ môi trường làm việc thích ứng cho người bị trở ngại về thể chất và tinh thần và người dân tộc, cần xem nhu cầu thực tế, thực hiện việc huấn luyện đào tạo thích hợp.

Điều 28

Cơ cấu dịch vụ việc làm công lập sau khi giới thiệu việc làm cho người bị trở ngại về thể chất và tinh thần và người dân tộc, cần tiến hành thăm hỏi theo dõi, hỗ trợ thích ứng với công việc của họ.

Điều 29

Cơ quan chủ quản của thành phố và huyện (thị trấn) trực thuộc cần đưa hộ có thu nhập thấp và người có khả năng lao động trong gia đình hộ có thu nhập trung bình thấp ở nơi của mình đưa danh sách cho đơn vị dịch vụ việc làm công lập địa phương để giới thiệu việc làm hoặc tham gia huấn luyện đào tạo việc làm.

Người có nhu cầu tìm việc mà được đơn vị dịch vụ việc làm công lập giới thiệu là hộ có thu nhập thấp, hộ có thu nhập trung bình thấp hoặc người bị hại bạo lực gia đình có khả năng lao động cần được hỗ trợ chi phí đi lại cần thiết cho việc tuyển dụng.

Điều 30

Đơn vị dịch vụ việc làm công lập cần có mối quan hệ mật thiết với cơ quan chính quyền địa phương, hỗ trợ giới thiệu việc làm cho cựu chiến binh hoặc tham gia huấn luyện sự nghiệp.

Điều 31

Đơn vị dịch vụ việc làm công lập cần có mối quan hệ mật thiết với hội bảo vệ phục hồi chức năng, hỗ trợ giới thiệu việc làm cho người được bảo vệ hoặc tham gia huấn luyện sự nghiệp.

Điều 32

Cơ quan chủ quản giới thiệu việc làm cho công dân hàng năm cần liệt kê ra dự toán ngân sách, căn cứ vào việc thực hiện trách nhiệm và quyền lợi thực hiện các biện pháp quy định này. Cơ quan chủ quản trung ương cần phải xem xét tình hình tài chính thực tế của cơ quan chủ quản thành phố trực thuộc, huyện (thị trấn) để tiến hành trợ cấp.

Điều 33

Khi chủ lao động bồi thường cho người lao động, cần cho lao động thôi việc trước 10 ngày, lấy danh sách công nhân được tiền bồi thường, giới tính, tuổi tác, địa chỉ, điện thoại, công việc đảm nhiệm, lý do bồi thường, có cần đào tạo việc làm hay không... lập danh sách thông báo tới cơ quan chủ quản địa phương và đơn vị dịch vụ việc làm công lập. Nhưng tiền bồi thường cho người bị ảnh hưởng bởi do thiên tai, sự cố hoặc sự cố bất khả kháng thực hiện trong vòng 3 ngày kể từ ngày công nhân thôi việc.

Đơn vị dịch vụ việc làm công lập sau khi nhận được giấy tờ thông báo trên đây, căn cứ theo nguyện vọng, năng lực làm việc của người được bồi thường hỗ trợ họ để tìm việc làm.

Điều 33-1

Cơ quan chủ quản trung ương quản lý đưa dịch vụ việc làm và khuyến khích giới thiệu việc làm theo quy định này, ủy thác đơn vị dịch vụ việc làm trực thuộc, ủy ban các thành phố, huyện (thị trấn) được cơ quan chủ quản ủy quyền hoặc các cơ quan (đơn vị) liên quan được ủy quyền, quản lý đoàn thể xử lý.

Chương 4 Dịch vụ việc làm tư nhân

Điều 34

Các đơn vị dịch vụ việc làm tư nhân và các chi nhánh cần xin cơ quan chủ quản cấp phép, sau khi được cấp phép mới được bắt đầu thực hiện công việc dịch vụ việc làm; Giấy chứng nhận đó cần định kỳ cập nhật.

Nếu chưa được cấp phép, không được thực hiện dịch vụ giới thiệu việc làm. Các trường học, cơ sở huấn luyện đào tạo việc làm được lập theo luật hoặc tiếp nhận sự huấn luyện đào tạo uỷ thác của cơ quan chính phủ, cơ sở (đơn vị) dịch vụ việc làm là tốt nghiệp sinh, nhân viên kết thúc huấn luyện hoặc người tìm việc, người cung cấp dịch vụ việc làm miễn phí không giới hạn ở đây.

Mục số 1 cơ sở dịch vụ việc làm tư nhân và thiết lập các chi nhánh của họ cho phép điều kiện, thời gian, cho phép hủy bỏ giấy phép, thay đổi giấy phép và thực hiện các hạng mục quản lý do cơ quan chủ quản trung ương thiết lập.

Điều 35

Cơ sở dịch vụ việc làm tư nhân phải hoạt động với những dịch vụ việc làm như sau:

1. Giới thiệu việc làm hoặc hoạt động môi giới nhân lực.
2. Tiếp nhận ủy thác tuyển dụng lao động.
3. Hỗ trợ công dân tư vấn việc làm về kế hoạch phát triển sinh nhai hoặc kiểm tra tâm lý nghề nghiệp.
4. Những hạng mục dịch vụ việc làm khác thông qua cơ quan chủ quản trung ương chỉ định.

Đơn vị dịch vụ việc làm tư nhân hoạt động công việc dịch vụ trên thu chi phí; các hạng mục thu phí đó và mức tiền do cơ quan chủ quản trung ương qui định.

Điều 36

Đơn vị dịch vụ việc làm tư nhân phải có các nhân viên chuyên môn về dịch vụ việc làm đủ tư cách đáp ứng tiêu chuẩn và số tiền theo quy định.

Tiêu chuẩn và số tiền của nhân viên chuyên môn dịch vụ việc làm trên đây đối với đơn vị dịch vụ việc làm tư nhân cho phép và quy định trong thủ tục quản lý.

Điều 37

Nhân viên chuyên môn dịch vụ việc làm không được có những tình huống như sau:

1. Cho phép người khác tham gia vào dịch vụ việc làm mang tên của mình.
2. Vi phạm pháp lệnh thực hiện nhiệm vụ.

Điều 38

Đơn vị dịch vụ việc làm cá nhân thực hiện nghiệp vụ môi giới dưới đây cần tổ chức theo hình thái công ty. Nhưng do cơ quan quản lý trung ương thiết lập hoặc thông qua cơ quan chủ quản trung ương cho phép thiết lập, chỉ định hoặc cơ quan hoặc đoàn thể của tổ chức phi lợi nhuận ủy thác, không được giới hạn tại đây.

1. Môi giới người nước ngoài đến Trung Hoa Dân Quốc làm việc.
2. Môi giới cư dân HongKong hoặc Macao, người dân khu vực Đại Lục đến Đài Loan làm việc.

3. Môi giới người trong nước ra ngoài khu vực Đà Loan làm việc.

Điều 39

Đơn vị dịch vụ việc làm tư nhân căn cứ theo quy định chuẩn bị và lưu giữ các giấy tờ, khi cơ quan chủ quản kiểm tra không được trốn tránh, cản trở hoặc từ chối.

Điều 40

Đơn vị dịch vụ việc làm tư nhân và nhân viên của họ thực hiện công việc dịch vụ việc làm không được có những biểu hiện sau:

1. Thực hiện nghiệp vụ môi giới chưa ký kết hợp đồng giữa chủ lao động và người tìm việc theo qui định.
2. Vì không thực hiện hoặc vi phạm điều số 5 mục 1 về quảng cáo và tiết lộ theo quy định
3. Vi phạm ý nghĩa tìm việc làm, giữ giấy chứng minh thư nhân dân của công dân, bằng chứng làm việc hoặc giấy tờ chứng minh của họ.
4. Lưu giữ tài sản của người tìm việc hoặc nhận tiền môi giới bảo lãnh việc làm.
5. Yêu cầu, thời hạn hợp đồng hoặc nhận chi phí ngoài tiêu chuẩn quy định hoặc lợi ích không chính đáng.
6. Yêu cầu, thời gian hợp đồng hoặc cung cấp các lợi ích không chính đáng.
7. Môi giới người tìm việc tham gia công việc chống đối trật tự công cộng và phong tục tập quán tốt.
8. Tiếp nhận ủy thác giải quyết xin phép, tuyển dụng, giới thiệu hoặc quản lý việc thuê nước ngoài
9. Thực hiện công việc dịch vụ việc làm có tình thế đe dọa, gian lận, xâm chiếm hoặc vi phạm lòng tin.
10. Vi phạm ý nghĩa của chủ lao động, lưu giữ giấy phép hoặc giấy tờ liên quan khác.
11. Đối với báo biểu của cơ quan chủ quản quy định, chưa thực hiện điền hoặc điền không xác thực theo quy định.

12. Không thực hiện đăng ký thay đổi theo quy định, báo cáo tạm ngừng hoặc cấp đổi, cấp bổ sung giấy phép.

13. Chưa thực hiện tiết lộ giấy phép đơn vị dịch vụ việc làm tư nhân theo quy định, hạng mục thu phí và biểu chi tiết số tiền.

14. Thông qua cơ quan chủ quản xử lý dừng hoạt động, thời hạn của nó vẫn chưa hết hạn và tự tiếp tục hoạt động.

15. Thực hiện công việc dịch vụ việc làm, không làm tròn nhiệm vụ công việc, dẫn đến chủ sử dụng vi phạm luật này hoặc căn cứ theo mệnh lệnh của luật này đã ban hành.

16. Thuê hoặc cho thuê lại giấy phép đơn vị dịch vụ việc làm tư nhân hoặc chứng chỉ nhân viên chuyên môn dịch vụ việc làm

17. Người mà tiếp nhận người nước ngoài đưa vào trong nước trong vòng ba tháng phát sinh ra việc không rõ ràng và đến 1 năm đạt được số người và tỷ lệ nhất định.

Số người ở điều 17 trên, các phương thức tỷ lệ và kiểm tra do cơ quan chủ quản trung ương qui định.

Điều 41

Người nhận ủy thác đăng tải hoặc truyền bá mới quảng cáo, cần tính từ ngày quảng cáo, họ và tên, địa chỉ, điện thoại số CMTND hoặc số đăng ký hành nghề người lưu giữ ủy thác chờ tài liệu 2 tháng khi cơ quan chủ quản kiểm tra không được trốn tránh, cản trở hoặc từ chối.

Chương 5 Tuyển dụng và quản lý người nước ngoài

Điều 42

Để đảm bảo quyền làm việc của công nhân, công việc tuyển dụng người nước ngoài không được làm cản trở cơ hội việc làm của người trong nước, điều kiện lao động, phát triển kinh tế quốc gia và ổn định xã hội.

Điều 43

Trừ phi luật này có quy định khác, người nước ngoài chưa qua chủ sử dụng xin phép lao động không được làm việc tại Trung Hoa Dân Quốc

Điều 44

Bất cứ ai cũng không được lưu giữ người nước ngoài tham gia làm việc phi pháp.

Điều 45

Bất cứ ai cũng không được môi giới người nước ngoài làm việc phi pháp.

Điều 46

Chủ sử dụng thuê người nước ngoài làm việc tại Trung Hoa Dân Quốc trừ phi luật này có quy định khác ra sẽ căn cứ giới hạn theo các khoản sau:

1. Làm việc mang tính chuyên môn hoặc mang tính kỹ thuật.
2. Hoa kiều hoặc người nước ngoài được chính phủ phê duyệt đầu tư hoặc chủ quản thiết lập sự nghiệp.
3. Giáo viên các trường học sau:
 1. Trường học trên trung cấp công lập hoặc trung cấp tư đã lập hồ sơ hoặc giáo viên các trường công dân nước ngoài.
 2. Giáo viên ngữ văn nước ngoài đạt chuẩn trường học dưới cao đẳng công lập hoặc cao đẳng tư đã lập hồ sơ hoặc giáo viên các trường công dân nước ngoài.
 3. Bộ song ngữ trường học cao đẳng thí nghiệm công lập hoặc cao đẳng tư đã lập hồ sơ hoặc giáo viên bộ môn của trường song ngữ.
 4. Giáo viên dạy thêm tiếng nước ngoài chuyên dạy thêm ngắn hạn đã lập hồ sơ dạy thêm và luật bổ sung giáo dục.
 5. Huấn luyện viên thể thao và vận động viên.
 6. Tôn giáo, nghệ thuật và công việc biểu diễn nghệ thuật.
 7. Thuyền kinh doanh, thuyền công tác và các thuyền viên của tàu thông

qua Bộ giao thông cấp phép.

8. Công việc đánh bắt cá biển.
9. Công việc chăm sóc sức khỏe gia đình và khám hộ.
10. Do nhà nước cần xây dựng công trình quan trọng hoặc do nhu cầu phát triển kinh tế xã hội thông qua công việc chỉ định của cơ quan chủ quản trung ương.
11. Những công việc mang tính đặc biệt khác, trong nước thiếu hụt nhân tài hạng mục này, trên lĩnh vực kinh doanh cần thiết tuyển dụng người nước ngoài làm việc do chuyên án cơ quan chủ quản trung ương lập.

Người nước ngoài thực hiện công việc trên, điều kiện công việc và tiêu chuẩn kiểm tra do cơ quan chủ quản trung ương tư vấn cơ quan chủ quản mục đích kinh doanh trung ương qui định.

Chủ lao động tuyển dụng người nước ngoài theo quy định mục 1 điều 8 đến điều 10, bắt buộc phải ký kết hợp đồng lao động bằng văn bản và có kỳ hạn; Người nào mà không có kỳ hạn thì lấy hạn cho phép tuyển làm thời hạn của hợp đồng lao động. Thời gian gia hạn cũng thực hiện như vậy.

Điều 47

Chủ lao động tuyển dụng người nước ngoài tham gia làm việc theo quy định của khoản 8 mục 1 đến điều 11 trên đây trước hết cần thực hiện việc tuyển dụng trong nước về điều kiện lao động hợp lý, khi nhu cầu tuyển dụng của họ không thể đáp ứng được mới bắt đầu đưa ra xin đề xuất số người thiếu và khi tuyển dụng cần thông báo tới công đoàn và người lao động của đơn vị kinh doanh toàn bộ nội dung rồi thông báo nơi làm việc dự kiến của người nước ngoài.

Khi chủ sử dụng lao động căn cứ theo quy định trên thực hiện tuyển dụng trong nước, đối với người tìm việc mà được cơ sở dịch vụ việc làm công lập giới thiệu không có lý do chính đáng không được từ chối.

Điều 48

Chủ lao động tuyển người nước ngoài vào làm việc, cần kiểm tra tài liệu liên quan xin phép cơ quan chủ quản trung ương. Nhưng nếu có một trong những tình huống như

sau không cần phải xin cấp phép:

1. Các cấp chính phủ và cơ quan nghiên cứu học thuật trực thuộc tuyển người nước ngoài đảm nhiệm công việc cố vấn hoặc nghiên cứu.
2. Người nước ngoài kết hôn với công dân trong nước có quốc tịch Trung Hoa Dân Quốc và được phép cư trú.
3. Người nhận tuyển dụng việc giảng dạy, nghiên cứu học thuật tại đại học công lập hoặc đại học tư thông qua bộ giáo dục phê duyệt.

Xin phép trên, dùng cấp phép và biện pháp quản lý tuyển dụng liên quan sẽ do cơ quan chủ quản trung ương tư vấn cho cơ quan chủ quản mục đích kinh doanh trung ương qui định.

Mục 1 biện pháp quản lý kiểm tra sức khỏe trước và sau khi nhận tuyển dụng người nước ngoài nhập cảnh do cơ quan chủ quản an toàn vệ sinh trung ương tư vấn cơ quan chủ quản trung ương qui định.

Kiểm tra sức khỏe sau khi nhận tuyển dụng người nước ngoài nhập cảnh trên do cơ quan chủ quản an toàn vệ sinh trung ương chỉ định bệnh viện thực hiện; nhận giấy tờ đủ điều kiện, chỉ định, bãi bỏ chỉ định và biện pháp quản lý sẽ do cơ quan chủ quản an toàn vệ sinh trung ương qui định.

Người nhận kiểm tra sức khỏe thuê người nước ngoài nếu sức khỏe không đạt, chủ lao động cần thúc giục họ ra nước ngoài.

Cơ quan chủ quản trung ương thực hiện Điều 46 Mục 1 Khoản 8 đến Điều 11 quy định đối với người nước ngoài làm việc được quy định quốc tịch và số tiền của họ.

Điều 48-1

Chủ lao động trong nước thuê người nước ngoài lần đầu làm công việc tại gia đình hoặc giúp đỡ tại gia đình cần tham gia lớp huấn luyện trước khi tuyển dụng thực hiện bởi cơ quan chủ quản hoặc tổ chức ủy thác phi lợi nhuận và khi xin cấp phép đính kèm giấy tờ chứng minh đã tham gia lớp huấn luyện.

Đối tượng huấn luyện ở mục trước, nội dung, phương thức thực hiện, tư cách được nhận ủy thác xử lý, điều kiện và các biện pháp khác phải tuân thủ các hạng mục,

do cơ quan chủ quản Trung ương qui định.

Điều 49

Lãnh sự quán các nước tại Đài Loan, cơ quan nước ngoài tại Đài Loan, các tổ chức quốc tế tại Đài Loan và nhân viên của họ thuê người nước ngoài làm việc cần xin phép thông qua Bộ Ngoại Giao; Xin cấp phép cho họ, chấm dứt hoạt động của giấy phép và các biện pháp quản lý tuyển dụng liên quan đến họ do cơ quan chủ quản trung ương tư vấn Bộ ngoại giao qui định.

Điều 50

Chủ lao động tuyển dụng học sinh làm việc như dưới đây không bị hạn chế bởi Điều 46 mục 1 thời gian làm việc và trừ thời gian nghỉ hè ra mỗi tuần dài nhất là 20 giờ:

1. Là lưu học sinh nước ngoài học tại một trường đại học công lập hoặc đại học tư.
2. Là du học sinh và các du học sinh Đài Loan khác đã học tại trường cao đẳng công lập hoặc cao đẳng tư

Điều 51

Người sử dụng lao động thuê người nước ngoài sau đây làm việc, không chịu hạn chế của qui định tại mục thứ 1, mục 3 điều 46, điều 47, điều 52, mục 3, mục 4 điều 53, khoản 5 điều 57, khoản 4 điều 72 và điều 74, và miễn nộp phí ổn định nghề nghiệp theo qui định điều 55:

1. Dân tị nạn được phép tạm trú
2. Người liên tục được thuê làm việc trong lãnh thổ Trung Hoa Dân Quốc, tạm trú đủ 5 năm liên tục, phẩm hạnh đoan chính, và có chỗ ở.
3. Người đã được cho phép cùng sống cùng với người có quan hệ huyết thống trực tiếp với họ mà được cấp hộ khẩu trong lãnh thổ Trung Hoa Dân Quốc.
4. Người đã được cư trú vĩnh viễn.

Người nước ngoài ở khoản 1, khoản 3 và khoản 4 mục trước được phép không thông qua người sử dụng lao động, được phép xin qua cơ quan chủ quản Trung Ương.

Pháp nhân nước ngoài cần thực hiện các khế ước là ký hợp đồng, mua bán, hợp tác kỹ

thuật v.v... phải ủy nhiệm cho người làm việc trong phạm vi khế ước theo khoản 1 hoặc khoản 2 mục 1 điều 46 trong lãnh thổ Trung Hoa Dân Quốc, người chưa mở công ty hoặc văn phòng đại diện trong lãnh thổ Trung Hoa Dân Quốc, phải được ký kết bởi cơ quan hành chính sự nghiệp hoặc người đại diện giao quyền, được phép xin theo qui định chỉ thị được ban hành theo mục 2 và mục 3 điều 48.

Điều 52

Thuê người nước ngoài làm công việc theo qui định tại khoản 1 đến khoản 7 và khoản 11 mục 1 điều 46, cho phép thời gian dài nhất là 3 năm, hết hạn có nhu cầu tiếp tục thuê, người sử dụng lao động được xin gia hạn. Thuê người nước ngoài làm công việc theo qui định tại khoản 8 đến khoản 10 mục 1 điều 46, thời gian được cho phép dài nhất là 3 năm. Người có trường hợp đặc thù riêng biệt, người sử dụng lao động được xin gia hạn, tình hình đặc biệt của họ và thời gian do viện hành chính xác định theo chỉ thị. Nhưng người thuộc công trình trọng đại, việc xin gia hạn thời gian của họ, giới hạn dài nhất là 6 tháng. Tổng số người được đưa vào hàng năm ở mục trước, theo chỉ tiêu cảnh giới thuê lao động nước ngoài, do cơ quan chủ quản Trung ương mời cơ quan liên quan, lao động, người sử dụng lao động, học giả đại diện thương lượng.

Người nước ngoài được thuê trong thời gian cho phép thuê không có hiện tượng vi phạm qui định pháp luật mà vì quan hệ thuê mượn kết thúc, người hết nhiệm kỳ thời gian cho phép thuê mượn xuất cảnh hoặc vì kiểm tra sức khỏe không đạt đã về nước điều trị rồi kiểm tra đạt, được nhập cảnh lại để làm việc. Nhưng người nước ngoài làm công việc theo qui định tại khoản 8 đến khoản 10 mục 1 điều 46, thời gian làm việc trong lãnh thổ Trung Hoa Dân Quốc của họ, tính tổng lại không được vượt quá 20 năm, và không sử dụng qui định tại khoản 2 mục 1.

Người nước ngoài được qui định theo văn bản mục trước trong thời gian cho phép thuê mượn, được xin nghỉ về nước, người sử dụng lao động phải đồng ý; phương thức xin nghỉ của họ, số ngày, thủ tục và cách làm những việc liên quan khác, do cơ quan chủ quản Trung ương qui định.

Người nước ngoài làm công việc chăm sóc gia đình theo qui định khoản 9 mục 1 điều 46, và đã được huấn luyện chuyên nghiệp hoặc tự học, mà có biểu hiện đặc biệt, tư cách, điều kiện phù hợp với qui định của cơ quan chủ quản Trung ương, thời gian làm việc trong lãnh thổ Trung Hoa Dân Quốc của họ tính tổng lại không vượt quá 40 năm. Tiêu chuẩn tư cách, điều kiện, phương thức nhận định ở mục trước và các việc có liên quan khác, do cơ quan chủ quản Trung ương bàn bạc với cơ quan chủ quản hành chính sự nghiệp mục đích để quyết định.

Điều 53

Người nước ngoài được người sử dụng lao động thuê trong thời gian cho phép thuê mướn có hiệu lực, nếu muốn thay đổi người sử dụng lao động hoặc được thuê mướn bởi người sử dụng lao động thứ hai trở lên, phải được người sử dụng lao động mới xin cho phép. Khi xin thay đổi người sử dụng lao động, người sử dụng lao động mới phải kiểm tra giấy tờ chứng minh nghỉ việc của người nước ngoài được thuê mướn.

Người nước ngoài theo qui định tại khoản 1, khoản 3 mục 1 điều 51 đã được cơ quan chủ quản Trung ương cho phép, không sử dụng qui định mục trước.

Người nước ngoài được thuê làm các công việc theo qui định tại khoản 1 đến khoản 7 mục 1 điều 46 chuyển đổi người sử dụng lao động hoặc công việc, không được làm các công việc theo qui định tại khoản 8 đến khoản 11 cùng mục.

Người nước ngoài được thuê làm các công việc theo qui định tại khoản 8 đến khoản 11 mục 1 điều 46, không được chuyển đổi người sử dụng lao động hoặc công việc. Nhưng có tình huống theo các qui định tại mục 1 điều 59, người đã được cơ quan chủ quản phê chuẩn, không trong giới hạn này.

Người nước ngoài được thuê ở mục trước đã được cho phép chuyển đổi người sử dụng lao động hoặc công việc, thời gian được thuê của họ phải tính gộp, và được giới hạn theo qui định điều 52.

Điều 54

Người sử dụng lao động thuê người nước ngoài làm các công việc theo qui định tại khoản 8 đến khoản 11 điều 46, có 1 trong các tình huống dưới đây, cơ quan chủ quản Trung ương phải không cho kiểm tra giấy phép tuyển dụng, giấy phép thuê mướn hoặc một phần hoặc toàn bộ giấy phép gia hạn thuê mướn; người đã được kiểm tra giấy phép tuyển dụng, bị đình chỉ giới thiệu:

1. Có tình huống đình công hoặc tranh luận giữa thợ và chủ theo qui định điều 10 tại nơi làm việc dự định của người nước ngoài.
2. Khi tuyển dụng trong nước, không có lý do chính đáng từ chối thuê nhân viên được cơ quan dịch vụ nghề nghiệp công lập đề xuất hoặc người tự đi tìm việc.
3. Người nước ngoài được thuê hành tung không rõ ràng hoặc người nước ngoài lần trốn đạt đến số người hoặc tỷ lệ nhất định.

4. Đã từng thuê người nước ngoài làm việc bất hợp pháp.
5. Đã từng sa thải lao động nước nhà bất hợp pháp
6. Vì thuê người nước ngoài mà giảm điều kiện lao động của lao động nước nhà, được cơ quan chủ quản địa phương kiểm chứng đúng sự thật.
7. Người nước ngoài được thuê mướn gây hại đến an ninh trật tự khu vực, đã bị xét xử theo luật bảo vệ trật tự xã hội.
8. Đã từng tạm giữ bất hợp pháp hoặc chiếm đoạt hộ chiếu, giấy chứng nhận tạm trú hoặc tiền của của người nước ngoài được thuê.
9. Lộ phí cần thiết của người nước ngoài được thuê bị trục xuất ra khỏi nước và chi phí cần thiết trong thời gian thu nhận, đã đến hạn nộp theo kỳ hạn nhưng không nộp.
10. Khi ủy nhiệm tuyển dụng người nước ngoài, yêu cầu, ký kết với cơ quan dịch vụ nghề nghiệp tư nhân hoặc thu lợi bất chính.
11. Khi tiến hành xin giấy phép thuê, tuyển dụng, giới thiệu người nước ngoài hoặc những việc quản lý, cung cấp dữ liệu không thực tế hoặc mất hiệu lực.
12. Quảng cáo tuyển nhân viên không thực tế.
13. Xin bổ sung sửa đổi quá thời hạn qui định, đến hạn chưa bổ sung sửa đổi.
14. Vi phạm luật này hoặc chỉ thị được ban bố tại mục 2, mục 3 điều 48, điều 49.
15. Các tình tiết lớn khác vi phạm pháp lệnh bảo hộ người lao động.

Tình huống theo qui định tại khoản 3 đến khoản 15 mục trước, lấy giới hạn là phát sinh trong 2 năm trước ngày xin.

Số người, tỷ lệ tại khoản 3 mục 1, do cơ quan chủ quản Trung ương thông báo.

Điều 55

Người sử dụng lao động thuê người nước ngoài làm các công việc qui định tại khoản

8 đến khoản 10 điều 46, phải nộp phí ổn định công việc vào tài khoản chuyên ngân sách ổn định công việc do cơ quan chủ quản Trung ương thiết lập, như một cách để tăng cường tác dụng của việc thực hiện những việc có liên quan đến xúc tiến việc làm quốc dân, nâng cao phúc lợi của người lao động và xử lý những việc liên quan đến việc quản lý thuê người nước ngoài.

Mức phí ổn định công việc ở mục trước, do cơ quan chủ quản Trung ương tính toán sự phát triển kinh tế quốc gia, cung cầu của người lao động và điều kiện có liên quan đến lao động, và dựa theo loại nghề nghiệp của họ và tính chất công việc sẽ thương lượng với cơ quan liên quan để qui định.

Người sử dụng lao động hoặc người được chăm sóc phù hợp với hộ có thu nhập thấp hoặc hộ có thu nhập trung bình theo qui định của luật cứu trợ xã hội, lĩnh chi phí trợ cấp sinh hoạt theo luật bảo vệ quyền lợi của người khuyết tật thể chất và tinh thần, hoặc lĩnh tiền trợ cấp sinh hoạt cho người có thu nhập trung bình theo luật phúc lợi cho người già, họ thuê người nước ngoài làm công việc chăm sóc gia đình theo qui định tại mục 1 điều 46, miễn nộp phí ổn định công việc ở mục 1.

Người nước ngoài được thuê ở mục 1 có trường hợp bỏ việc liên tục 3 ngày mất liên lạc hoặc đình chỉ quan hệ thuê mướn, được người sử dụng lao động thông báo theo qui định mà dùng giấy phép thuê, người sử dụng lao động không phải nộp lại phí ổn định công việc.

Người sử dụng lao động không nộp phí ổn định công việc theo thời hạn qui định, được gia hạn 30 ngày; hết thời gian gia hạn vẫn chưa nộp, bắt đầu từ ngày hôm sau của ngày hết thời gian gia hạn đến ngày hôm trước của ngày nộp xong, mỗi ngày quá hạn sẽ bị tính thêm tiền phạt là 0.3% phí ổn định công việc chưa nộp. Nhưng lấy 30% phí ổn định công việc chưa nộp làm giới hạn. Tiền phạt thu thêm ở mục trước sau 30 ngày, người sử dụng lao động vẫn chưa nộp, phí ổn định công việc chưa nộp và tiền phạt chuyển cưỡng chế thi hành bởi cơ quan chủ quản Trung ương, và một phần hoặc toàn bộ giấy phép thuê mướn bị bãi bỏ.

Cơ quan chủ quản phải công cáo định kỳ trên mạng về tình hình sử dụng ngân sách và ghi chép cuộc họp liên quan.

Điều 56

Người nước ngoài được thuê có trường hợp bỏ việc mất liên lạc liên tục 3 ngày hoặc đình chỉ quan hệ thuê mướn, người sử dụng lao động phải thông báo bằng văn bản cho

cơ quan chủ quản địa phương, cơ quan quản lý xuất nhập cảnh và cơ quan cảnh sát trong vòng 3 ngày. Nhưng người nước ngoài được thuê có trường hợp bỏ việc mất liên lạc, người sử dụng lao động được thông báo bằng văn bản cho cơ quan quản lý xuất nhập cảnh và cơ quan cảnh sát tiến hành điều tra.

Điều 57

Người sử dụng lao động thuê người nước ngoài không được có các tình huống sau:

1. Thuê mướn chưa được cho phép, giấy phép mất hiệu lực hoặc người nước ngoài được người khác xin thuê.
2. Lấy danh nghĩa bản thân thuê người nước ngoài làm công việc của người khác.
3. Ủy nhiệm người nước ngoài được thuê làm công việc ngoài sự cho phép.
4. Chưa được cho phép, người nước ngoài được ủy nhiệm thuê làm công việc theo qui định tại khoản 8 đến khoản 10 mục 1 điều 46 thay đổi nơi làm việc.
5. Không sắp xếp cho người nước ngoài được thuê tiếp nhận kiểm tra sức khỏe theo qui định hoặc chưa đem văn kiện kết quả kiểm tra sức khỏe báo cho cơ quan chủ quản Y tế.
6. Vì thuê người nước ngoài dẫn đến phát sinh kết quả lao động nước mình bị sa thải hoặc giảm tiền công.
7. Hung dữ ức hiếp đối với người được thuê hoặc phương pháp bắt hợp pháp khác, cưỡng chế họ làm việc.
8. Giăm giữ bất hợp pháp hoặc chiếm đoạt hộ chiếu, giấy tạm trú hoặc tiền của của người nước ngoài được thuê.
9. Trường hợp khác vi phạm luật này hoặc chỉ thị được ban bố theo luật này.

Điều 58

Người nước ngoài trong thời gian giấy phép thuê mướn có hiệu lực, vì không được qui trách nhiệm nguyên nhân vì người sử dụng lao động mà xuất cảnh, tử vong hoặc phát sinh tình huống hành tung không rõ ràng được thông báo cho cơ quan quản lý xuất nhập cảnh và cơ quan cảnh sát theo qui định đủ 6 tháng vẫn chưa điều tra được,

người sử dụng lao động được xin cơ quan chủ quản Trung ương cho bổ sung dần.

Người sử dụng lao động thuê người nước ngoài làm công việc chăm sóc gia đình theo qui định tại khoản 9 mục 1 điều 46, vì không được quy nguyên nhân trách nhiệm, và có một trong các trường hợp dưới đây, cũng được xin cơ quan chủ quản Trung ương cho bổ sung dần:

1. Người nước ngoài ở sân bay xuất nhập cảnh hoặc đơn vị thu nhận phát sinh trường hợp hành vi không rõ ràng, thông báo cho cơ quan quản lý xuất nhập cảnh và cơ quan cảnh sát theo qui định.
2. Người nước ngoài tại nơi làm việc phát sinh hành tung không rõ ràng, thông báo cho cơ quan quản lý xuất nhập cảnh và cơ quan cảnh sát theo qui định đủ 3 tháng vẫn chưa điều tra được.
3. Người nước ngoài trong thời gian giấy phép thuê mướn có hiệu lực được người sử dụng lao động đồng ý chuyển đổi người sử dụng lao động hoặc công việc, và được người sử dụng lao động mới tiếp tục thuê hoặc xuất cảnh.

Thời gian cho phép thuê mướn bổ sung dần ở hai mục trước, lấy thời hạn cho phép thuê ban đầu bổ sung đầy đủ làm giới hạn; thời gian còn lại của giấy phép thuê ban đầu chưa đủ 6 tháng, không được bổ sung dần.

Điều 59

Người nước ngoài được thuê làm công việc theo qui định tại khoản thứ 8 đến khoản 11 mục 1 điều 46, có một trong các trường hợp dưới đây, được cơ quan chủ quản Trung ương phê chuẩn, được chuyển đổi người sử dụng lao động hoặc công việc:

1. Người sử dụng lao động hoặc người được chăm sóc qua đời hoặc di dân.
2. Tàu thuyền bị giam giữ, đắm hoặc sửa chữa mà không thể tiếp tục làm việc.
3. Người sử dụng lao động đóng cửa xưởng, ngừng kinh doanh hoặc không thanh toán thù lao làm việc theo hợp đồng lao động đã kết thúc hợp đồng lao động.
4. Những trường hợp khác không thể quy trách nhiệm vào nguyên do sự việc ở người nước ngoài được thuê.

Thủ tục chuyển đổi người sử dụng lao động hoặc công việc ở mục trước, được cơ quan chủ quản qui định thêm.

Điều 60

Người nước ngoài được người sử dụng lao động thuê, được cơ quan quản lý xuất nhập cảnh trực xuất ra khỏi nước theo qui định, lộ phí cần khi bị trực suất và chi phí cần thiết trong thời gian thu nhận, phải được những người theo trình tự dưới đây đảm nhiệm:

1. Thu nhận, thuê mướn bất hợp pháp hoặc môi giới người nước ngoài làm việc.
2. Lý do trực suất được quy trách nhiệm cho người sử dụng lao động.
3. Người nước ngoài bị trực suất.

Có nhiều người như ở khoản 1 mục trước, phải chịu trách nhiệm liên đới.

Chi phí ở mục 1, do quỹ ổn định nghề nghiệp ứng trước, và sau khi ứng, được cơ quan chủ quản quỹ đó thông báo cho người phải chịu trách nhiệm nộp theo kỳ hạn; Người đến hạn không nộp, chuyển sang cưỡng chế thực hiện.

Tiền bảo lãnh được nộp bởi người sử dụng lao động, được kiểm tra các văn bản chứng minh có liên quan đến khoản tiền bảo lãnh dẫn nộp, xin cơ quan chủ quản Trung ương trả lại.

Điều 61

Người nước ngoài trong thời gian được thuê từ vong, phải được người sử dụng lao động thay thế xử lý việc mai táng có liên quan.

Điều 62

Cơ quan chủ quản, cơ quan quản lý người nước ngoài, cơ quan cảnh sát, cơ quan tuần phòng bờ biển hoặc cơ quan cảnh sát tư pháp khác được điều nhân viên mang theo văn bản chứng minh, đến nơi làm việc của người nước ngoài hoặc nơi làm việc khả nghi có người nước ngoài vi phạm pháp luật, điều tra thực tế.

Đối với việc kiểm tra ở mục trước, người sử dụng lao động, người đại diện người sử dụng lao động, người nước ngoài và những người có liên quan khác không được lẩn trốn, gây trở ngại hoặc từ chối.

Chương VI: Nguyên tắc xử phạt

Điều 63:

Người vi phạm quy định của khoản 1, khoản 2 điều 44 hoặc điều 57, sẽ bị phạt tiền từ 150.000 tân đài Tệ đến 700.000 tân đài tệ. Người tái vi phạm trong vòng 5 năm, xử phạt giam giữ có thời hạn dưới 3 năm, bắt giam hoặc xử phạt hoặc gộp lại phạt tiền dưới 1.200.000 tân đài tệ.

Người đại diện theo pháp luật, pháp nhân hoặc người thay thế ngẫu nhiên, người đã được tuyển dụng hoặc nhân viên khác làm việc, người do thực hiện nghiệp vụ vi phạm điều thứ 44 hoặc khoản 1, khoản 2 điều thứ 57, ngoài xử phạt hành vi này theo quy định trước ra, đối với pháp nhân này hoặc người ngẫu nhiên cũng phải chịu hình phạt hoặc khoản tiền phạt trên.

Điều 64

Người vi phạm quy định thứ 45, phạt tiền từ 100.000 tân đài tệ đến 500.000 tân đài tệ. Người tái phạm trong vòng 5 năm, xử phạt giam giữ có thời hạn dưới 1 năm, bắt giam hoặc xử phạt hoặc gộp lại phạt tiền dưới 600.000 tân đài tệ.

Người vì mục đích theo đuổi lợi nhuận mà vi phạm các quy định của Điều 45, sẽ bị xử phạt giam giữ có thời hạn dưới 3 năm, bắt giam hoặc xử phạt hoặc gộp lại phạt tiền dưới 1.200.000 Đài tệ.

Người đại diện theo pháp luật, pháp nhân hoặc người thay thế ngẫu nhiên, người đã được tuyển dụng hoặc nhân viên khác làm việc, người do thực hiện nghiệp vụ vi phạm điều thứ 45 ngoài xử phạt hành vi này theo 2 quy định trên ra, đối với pháp nhân này hoặc người ngẫu nhiên cũng phải chịu hình phạt hoặc khoản tiền phạt trên.

Điều 65

Người vi phạm quy định mục 1 điều 5, khoản 1 mục 2, khoản 4, khoản 5, mục 2 điều 34; khoản 2, khoản 7 đến khoản 9 điều 40, sẽ bị xử phạt từ 300.000 tân đài tệ trở lên đến dưới 1.500.000 tân đài tệ.

Người chưa được sự cho phép mà làm việc dịch vụ việc làm vi phạm khoản 2, khoản 7 đến khoản 9 điều số 40, căn cứ vào quy định xử phạt như trên để xử phạt.

Điều 66

Người vi phạm quy định khoản 5 điều 40, căn cứ theo yêu cầu, thời hạn hợp đồng hoặc nhận chi phí vượt quá tiêu chuẩn quy định hoặc các khoản tiền lợi ích bất chính, xử phạt gấp 10 đến 20 lần.

Người chưa được phép mà làm việc dịch vụ việc làm vi phạm qui định khoản 5 điều 40, căn cứ theo các qui định trên mà xử phạt.

Điều 67

Vi phạm quy định khoản 2 mục 2 điều 5, khoản 3, khoản 10, mục 1 điều 36, điều 37, điều 39, khoản 01 mục 01 điều 40, khoản 3, khoản 4, khoản 6, khoản 10 đến khoản 17; khoản 5, khoản 8, khoản 9 điều 57 hoặc quy định tại mục 2 điều 62, phạt tiền từ 60.000 tân đài tệ.trở lên đến 300.000 tân đài tệ.

Người chưa được sự cho phép mà làm việc dịch vụ việc làm vi phạm quy định khoản 1, khoản 3, khoản 4, khoản 6 mục 1 điều 40 hoặc khoản 10, căn cứ theo các hình phạt trước đã nêu trên để xử phạt.

Điều 68

Người vi phạm điều 9, mục 1 điều 33, điều 41, điều 43, điều 56, khoản 3, khoản 4 điều 57 hoặc điều 61 quy định, xử phạt từ 30.000 tân đài tệ.trở lên đến 50.000 tân đài tệ.

Người vi phạm quy định tại khoản 6 điều 57, căn cứ vào số lượng người bỏ hoặc đầu tư, mỗi người phạt 20.000 tân đài tệ trở lên đến 100.000 tân đài tệ.

Người nước ngoài vi phạm quy định tại điều 44, phải trục xuất về nước, không được làm việc lại tại Đài Loan.

Người nước ngoài vi phạm quy định tại điều 43 hoặc các việc quy định tại mục 1, mục 2 điều 74, bị trục xuất về nước này có hạn, người không chịu xuất ngoại trong thời gian này, cơ quan quản lý xuất nhập cảnh cưỡng chế xuất ngoại, trước khi xuất ngoại, bị lưu giữ ở cơ quan quản lý xuất nhập.

Điều 69

Cơ sở dịch vụ việc làm tư nhân có một trong những hành vi dưới đây, do cơ quan có thẩm quyền xử phạt đình chỉ hoạt động kinh doanh trong vòng một năm:

1. Vi phạm quy định của khoản 4 đến khoản 6, khoản 8 mục 1 điều 40 hoặc điều

45.

2. Nếu cùng một lỗi trên, đã bị xử phạt 3 lần vẫn không cải thiện
3. Bị xử phạt 4 lần trở lên trong một năm.

Điều 70

Cơ sở dịch vụ việc làm tư nhân có một trong những hành vi dưới đây, cơ quan có thẩm quyền được tước quyền giấy phép thành lập của cơ sở đó:

1. Vi phạm quy định của điều 38; khoản 2, khoản 7, khoản 9 điều 40 hoặc điều 14.
2. Trong vòng một năm bị xử phạt đình chỉ kinh doanh hơn hai lần.

Cơ quan dịch vụ việc làm tư nhân đã bị bãi bỏ giấy phép, người phụ trách hoặc người đại diện sẽ nộp đơn xin lại trong vòng hai năm xin thành lập cơ quan dịch vụ việc làm tư nhân và cơ quan chủ quản không được nhận xử lý.

Điều 71

Trường hợp chuyên gia dịch vụ việc làm vi phạm quy định tại Điều 37, thì cơ quan có thẩm quyền trung ương có thể bãi bỏ giấy chứng nhận chuyên môn về dịch vụ việc làm của người đó.

Điều 72

Người sử dụng lao động có một trong các trường hợp sau đây sẽ bị bãi bỏ một hoặc tất cả các giấy phép tuyển dụng và việc làm của họ:

1. Có một trong những hành vi ở tất cả các khoản mục 1 điều 54 quy định.
2. Có một trong những hành vi ở khoản 1, khoản 2, khoản 6 đến khoản 9 điều 57 quy định.
3. Có một trong những hành vi ở khoản 3, khoản 4 điều 57 quy định, đã cải thiện qua một thời gian, nhưng thời gian sau vẫn không cải thiện.
4. Có một trong những hành vi ở khoản 5 điều 57 quy định, đã được cơ quan y tế có thẩm quyền thông báo nhưng vẫn chưa thực hiện.
5. Vi phạm quy định của điều 60.

Điều 73

Người lao động được tuyển dụng là người nước ngoài, có một trong những hành vi sau, sẽ bị bãi bỏ giấy phép lao động:

1. Làm các công việc không nằm trong giấy phép
2. Không làm theo chỉ định của người sử dụng lao động mà tự ý làm các công việc không được phép khác.
3. Liên tục nghỉ không phép 3 ngày mà mất liên lạc hoặc chấm dứt việc làm

4. Từ chối chấp nhận kiểm tra sức khỏe, cung cấp lời khai sai, kiểm tra không đạt, tình trạng thể chất và tinh thần không thể tiếp tục công việc đã được chỉ định, hoặc các bệnh truyền nhiễm được chỉ định bởi cơ quan y tế trung ương.
5. Vi phạm với tính tiết nghiêm trọng tất cả các lệnh được ban hành theo mục 2, mục 3 điều 48, Điều 49.
6. Vi phạm các luật khác của Đài Loan với tính tiết nghiêm trọng.
7. Từ chối cung cấp hoặc cung cấp không xác thực các tài liệu cần cung cấp theo quy định.

Điều 74

Người lao động có giấy phép lao động hết hạn hoặc bị tước bỏ giấy phép căn cứ theo các điều khoản quy định, trừ trường hợp luật có thay đổi ra, lệnh phải xuất ngoại, không được phép quay lại làm việc trong khu vực Trung Hoa Dân Quốc.

Nếu người nước ngoài đã được thuê mất liên lạc trong vòng ba ngày liên tục, trước khi bãi bỏ giấy phép lao động, cơ quan xuất nhập cảnh có thẩm quyền trục xuất người này ra khỏi nước này.

Người có một trong những hành vi sau, không áp dụng quy định trục xuất ở mục 1.

1. Lưu học sinh nước ngoài, du học sinh hoặc sinh viên người hoa căn cứ theo quy định của bộ luật này được tuyển dụng làm việc, nếu giấy phép lao động hết hạn hoặc có một trong những trường hợp khoản 1 đến khoản 5 ở điều trước có quy định.
2. Người nước ngoài được tuyển dụng trong thời gian làm việc, không làm theo quy định tiếp nhận kiểm tra sức khỏe định kỳ hoặc kết quả kiểm tra không đạt, đã được cơ quan y tế có thẩm quyền đồng ý tái kiểm tra, mà kết quả tái kiểm tra phù hợp.

Điều 75

Hình phạt áp dụng theo Luật này sẽ do cơ quan có thẩm quyền của các thành phố và huyện (thị) thực thi.

Điều 76

Tất cả các khoản phạt trong bộ luật này đều có thời hạn đóng nộp, người không đóng nộp đúng hạn, sẽ bị cưỡng chế thi hành.

Chương VII: Nguyên tắc phụ

Điều 77

Trước khi sửa đổi thực hiện bộ Luật này, người nước ngoài làm việc trong khu vực lãnh thổ Trung Hoa Dân Quốc đã được phê duyệt theo quy định pháp luật có liên quan, sau khi sửa đổi thực hiện bộ luật này, người có thời gian đã được phê duyệt làm việc như trước đây nếu chưa hết hạn, thì trước thời hạn được miễn xin cấp phép theo quy định của luật này.

Điều 78

Gia quyến của các lãnh sự quán các nước tại Đài Loan, cơ quan nước ngoài tại Đài Loan, các tổ chức nhân viên quốc tế tại Đài Loan hoặc các tổ chức khác thông qua chuyên án bộ ngoại giao quốc tế báo cáo người nước ngoài của cơ quan chủ quản trung ương, người cần thiết có công việc làm trong phạm vi ở Đài Loan, sẽ do người nước ngoài đến Bộ ngoại giao để xin cấp giấy phép.

Không áp dụng quy định từ điều 46 đến điều 48, điều 50, điều 52 đến điều 56, điều 58 đến điều 61 và điều 74 cho người nước ngoài làm việc ở Trung Hoa Dân Quốc ở các mục đã nêu trên.

Xin giấy phép lao động, thu hồi giấy phép lao động ở mục 1 và các hạng mục quy định phải tuân thủ khác, đều do Bộ ngoại giao kết hợp với cơ quan chủ quản trung ương qui định.

Điều 79

Những người không quốc tịch hoặc công dân của Trung Hoa Dân Quốc có quốc tịch nước ngoài nhưng không có quốc tịch trong nước được thuê đến làm việc và phải tuân thủ các quy định của luật này liên quan đến người nước ngoài.

Điều 80

Người dân ở khu vực Trung Quốc được tuyển dụng tại khu vực Trung Hoa Dân Quốc để làm việc, việc làm và quản lý của họ trừ khi có luật khác quy định, sẽ áp dụng theo quy định liên quan của chương V.

Điều 81

Cơ quan có thẩm quyền phải tuân thủ các quy định của Luật này, chấp nhận đơn xin phép và cấp giấy phép, thu lệ phí kiểm tra và lệ phí cấp giấy phép, mức phí này do cơ quan chủ quản trung ương qui định.

Điều 82

Hướng dẫn chi tiết thực hiện bộ luật này, do cơ quan chủ quản Trung ương qui định.

Điều 83

Trước ngày thực thi bộ luật này, trừ quy định từ mục 1 đến mục 3 điều số 48 công bố chỉnh sửa vào ngày 21 tháng 1 năm 2002 và điều lệ chỉnh sửa của Trung Hoa Dân Quốc từ ngày 5 tháng 5 năm 2006 đến thực thi vào ngày 1 tháng 7 năm 2006 ra, còn lại có hiệu lực kể từ ngày công bố.